

Bản án số: 38/2018/HS-ST  
Ngày 11-5-2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Cao Văn Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Quỳnh Như - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Phúc Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ Thị Q, sinh ngày 30 tháng 5 năm 1966 tại Hải Phòng. Nơi ĐKNKTT trước năm 1999: Xóm 4, thôn Dụ Ngh, xã L Th, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Không xác định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Duy Ph (đã chết) và bà Trần Thị L; có chồng là Nguyễn Hồng M (đã chết) và có 03 con; **tiền án, tiền sự:** Không; bị bắt theo Quyết định truy nã ngày 09 tháng 11 năm 2017, tạm giữ từ ngày 10 tháng 11 năm 2017 đến ngày 15 tháng 11 năm 2017 chuyển tạm giam; có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Trịnh Thị D- Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Trịnh Khắc Triệu thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Bị hại:**

1. Chị Nguyễn B Ph, sinh ngày 03/12/1992; trú tại: Số 10 Lô 12 KT, phường SD, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Vũ Thị Tha H, sinh ngày 13/12/1991; trú tại: Số 157/262 Trần Ng H, quận L Ch, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Hoàng Thị M; vắng mặt.

2. Đặng Vũ Vu; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 1999, Đỗ Thị Q sang Trung Quốc sinh sống và thuê nhà ở tại khu vực chợ Coọc Mầu, thị trấn Đông Hưng, Trung Quốc. Tại đây, Q quen biết với Phạm T H, sinh năm 1970; trú tại: Khu 5, xã D Đ, huyện Th Thụy, tỉnh Thái Bình và đối tượng có tên Phì Chầy là người Trung Quốc. Phì Chầy có đặt vấn đề với Q về việc có nhiều đàn ông Trung Quốc muốn lấy vợ Việt Nam và bảo Q nếu có con gái Việt Nam thì giới thiệu nên Q đã bảo H tìm con gái Việt Nam để Q giới thiệu bán cho Phì Chầy. Trong khoảng từ tháng 12/2006 đến tháng 3/2007 thông qua H, Q đã nhiều lần môi giới để bán các cô gái trẻ người Việt Nam cho Phì Chầy để hưởng tiền công môi giới. Cụ thể:

**Vụ thứ nhất:** Thông qua mạng xã hội, Đặng Vũ Vu, sinh năm 1989; trú tại: Tổ 1 HK, phường KD, quận LC, thành phố Hải Phòng và Trần Sỹ D, sinh năm 1990; trú tại: Số 172 LC, quận NQ, thành phố Hải Phòng làm quen và đưa cháu Nguyễn B Ph, sinh ngày 03/12/1992; trú tại: Số 2/134 đường DH, quận LC, thành phố Hải Phòng sang Trung Quốc để bán lấy tiền ăn tiêu. Ngày 15/12/2006, sau khi đưa được cháu Ph sang Trung Quốc, V và D đã đưa cháu Ph đến nhà trọ của H ở Lầu Tùng Cái, Đông Hưng, Trung Quốc. Tại đây, H thông báo với Q đến để xem mặt cháu Ph. Sau khi xem mặt cháu Ph, Q đồng ý mua và dặn H khi nào Q gọi điện thì H đưa cháu Ph đến cho Q. Khoảng 17h cùng ngày, sau khi nhận thông báo của Q, H bảo Hoàng Thị M, sinh năm 1985; trú tại: Số 90/48 Tôn Đức Thắng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (là người ở cùng nhà trọ với H) đưa cháu Ph đến chợ Coọc Mầu, thị trấn Đông Hưng, Trung Quốc giao cho Q và một người đàn ông Trung Quốc. Q đưa cho Hà 500 NDT để chuyển lại cho H, còn Q được Phì Chầy trả cho 100 NDT. Cháu Ph bị đưa vào nhà hàng tại Trung Quốc và bị ép bán dâm, đến ngày 08/01/2007 được gia đình giải cứu đưa về Việt Nam.

**Vụ thứ hai:** Ngày 10/3/2007, Hoàng Thị M gặp cháu Vũ Thị Tha H, sinh ngày 13/12/1991; trú tại: Số 157/262 đường Trần Ng H, quận LC, thành phố Hải Phòng đang đi cùng với em gái của HH là Hoàng Thị H. HH nảy sinh ý định lừa đưa cháu Vũ H sang Trung Quốc bán nên đã rủ cháu Vũ H và H đi Móng Cái, Quảng Ninh chơi. Sau khi cả ba người đón xe đến bến xe Lạc Long, vì không

muốn cho H đi cùng nên HH vội quên ví tiền ở nhà và nhờ H quay về lấy. Ngay sau đó, HH đưa cháu Vũ Hà lên xe ô tô đi ra Móng Cái, Quảng Ninh, rồi dẫn cháu Vũ Hà vượt biên sang Trung Quốc và đưa đến nhà trọ của H ở Lầu Tùng Cái, Đông Hưng, Trung Quốc. Ngày hôm sau, HH và H đưa cháu Vũ Hà đến chỗ Q để Q xem mặt. Sáng ngày 13/3/2007, H và HH đưa cháu Vũ Hà lên xe taxi nói là để đưa về Việt Nam nhưng thực chất là đưa cháu đến điểm hẹn ở khu vực Vạn Mỹ, Trung Quốc giao cho 1 thanh niên người Trung Quốc rồi đi về. Ngày hôm sau, Q gọi điện cho H và HH đến nhà Q và Q trả cho H 4.000.000 đồng. Q được H cho 100.000 đồng và Phì Chầy cho 100 NDT. Đến ngày 30/4/2007, khi cháu Vũ Hà đang ở một nhà hàng ở Đông Hưng, Trung Quốc thì Công an Trung Quốc kiểm tra đưa về đồn và đến ngày 02/7/2007, cháu Vũ Thị Tha H được trao trả về Việt Nam, sau đó gia đình cháu Hà đã làm đơn trình báo.

Sau khi phạm tội, Đỗ Thị Q bỏ trốn, đến ngày 09/11/2017 bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Thị Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, ngoài ra Q còn khai: Ngoài việc môi giới để bán các cháu Nguyễn B Ph và Vũ Thị Tha H cho Phì Chầy, Q còn mua cháu có tên là Trang (hiện không rõ lai lịch, địa chỉ) thông qua H để làm vợ cho con trai Q, Q trả cho H 4.500.000 đồng tiền mua cháu Trang. Tuy nhiên, khoảng gần 02 tháng sau, cháu Trang đã bỏ đi đâu, Q không rõ. Q chỉ biết Phì Chầy nói cần mua con gái Việt Nam để cho đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ, còn thực tế Phì Chầy mua các cháu Nguyễn B Ph và Vũ Thị Tha H với mục đích để làm gì thì Q không biết.

Về dân sự: Đã giải quyết tại bản án số 45/2008/HSST ngày 25/3/2008, của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn B Ph (hiện đã thành niên) yêu cầu Q bồi thường tiếp số tiền tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng. Còn chị Vũ Thị Tha H, tài liệu điều tra hiện không xác định được địa chỉ.

Bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-P2 ngày 31 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Đỗ Thị Q về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” theo điểm đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Xử phạt: Đỗ Thị Q từ 13 năm đến 14 năm tù về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”.

Căn cứ **khoản 3 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999**; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, phạt tiền bị cáo 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 45/2008/HSST ngày 25/3/2008, của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Trước khi xét xử sơ thẩm, bị hại Ph có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày không còn yêu cầu bị cáo bồi thường 10 triệu đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận và không xem xét giải quyết.

Đồng thời, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính vào ngân sách Nhà nước.

#### *Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị Q:*

Luật sư không tranh luận về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, Luật sư phân tích về tình tiết định khung “Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” như sau: Luật sư cho rằng vụ án có đồng phạm, khởi nguồn là từ bị cáo V, D, H, sau đó đưa các cháu Ph và Hà sang Trung Quốc. Q không biết việc trên, chỉ đến khi sang Trung Quốc thì H mới thông báo cho Q biết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo. Đồng thời, Luật sư phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cậu ruột bị cáo là Liệt sĩ, mặc dù gia đình chưa cung cấp được các giấy tờ chứng minh nhưng cũng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị cáo; hoàn cảnh bị cáo đáng thương vì trong số 03 người con của bị cáo thì có 02 người con bị bệnh não, tâm thần. Bị cáo phạm tội cũng xuất phát từ hoàn cảnh gia đình khó khăn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo; về hình phạt: Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận lại và có lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*- Về tội danh:*

[2] Khoảng tháng 12 năm 2006 và tháng 3 năm 2007, Đỗ Thị Q cùng các đồng phạm đã thực hiện hành vi đưa các cháu Nguyễn B Ph và Vũ Thị Tha H sang Trung Quốc bán cho đối tượng có tên Phì Chầy lấy 700 NDT và 4.000.000 đồng. Đỗ Thị Q được hưởng lợi 200 NDT và 100.000 đồng. Khi bị bán cháu Vũ Thị Tha H mới 15 tuổi 03 tháng, còn cháu Nguyễn B Ph mới có 14 tuổi 12 ngày. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm danh dự nhân phẩm, quyền tự do của người phụ nữ. Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại đều là người dưới 16 tuổi đã gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử lý nghiêm khắc.

*- Về tình tiết định khung hình phạt:*

[4] Bị cáo Đỗ Thị Q đã môi giới để bán các cháu Nguyễn B Ph và Vũ Thị Tha H sang Trung Quốc cho đối tượng có tên Phì Chầy lấy 700 NDT và 4.000.000 đồng. Đỗ Thị Q được hưởng lợi 200 NDT và 100.000 đồng. Khi bị bán cháu Vũ Thị Tha H mới 15 tuổi 03 tháng, còn cháu Nguyễn B Ph mới có 14 tuổi 12 ngày. Hành vi trên của bị cáo Q đã phạm khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999 (có khung hình phạt từ 10 năm tù đến 20 năm hoặc tù chung thân). Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 12 năm tù đến 20 năm tù. Do đó, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo cần áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội xét xử bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt cao nhất nhẹ hơn khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999.

*- Về vai trò và hình phạt:*

[5] Trong vụ án này, Đỗ Thị Q là người khởi xướng, đề xuất với Phạm T H về việc mua bán các cháu Ph và Hà. Phạm T H là người liên lạc với bị cáo Đỗ Thị Q để bán các cháu Nguyễn B Ph và Vũ Thị Tha H. Sau đó, Q báo cho đối tượng tên Phì Chầy để giới thiệu và nhận tiền môi giới. Ngoài việc bán hai cháu Ph và Hà thì Đỗ Thị Q còn có hành vi mua cháu có tên là Trang để làm vợ cho con trai của Q nên Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của bị cáo Đỗ Thị Q phải cao hơn bị cáo Phạm T H. Do đó mức hình phạt của Q phải cao hơn Phạm T H.

[6] Phạm T H đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử tại Bản án số 45/2008/HSST ngày 25/3/2008 và xử phạt 12 năm tù về tội “Mua bán trẻ em”.

[7] Trong thời gian ngắn từ tháng 12 năm 2006 đến tháng 3 năm 2007, bị cáo Đỗ Thị Q đã môi giới để bán hai cháu là cháu Ph và cháu Hà. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa bị cáo khai có cậu ruột là Liệt sĩ, tuy nhiên bị cáo và gia đình bị cáo không cung cấp được các giấy tờ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[8] Hội đồng xét xử căn cứ vai trò, nhân thân và tính chất của hành vi phạm tội, căn xử phạt bị cáo mức án trên khởi điểm của khung hình phạt mới tương xứng với vai trò và hành vi phạm tội của bị cáo.

*- Về dân sự:*

[9] Đã được giải quyết tại Bản án số 45/2008/HSST ngày 25/3/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; hiện tại bị hại Nguyễn B Ph không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét.

*- Về thu lợi bất chính:*

[10] Bị cáo được hưởng 200 Nhân dân tệ (NDT) và 100.000 Việt Nam đồng (VNĐ) do được trả công trong việc môi giới bán hai cháu Ph và Hà nên buộc bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước. Số tiền Nhân dân tệ được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử ngày 11/5/2018 theo tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là: 1NDT = 3.541,69 VNĐ. Do đó, Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền:  $200 \text{ NDT} \times 3.541,69 = 708.338 \text{ VNĐ} + 100.000 \text{ VNĐ} = 808.338$  (Tám trăm linh tám nghìn, ba trăm ba mươi tám) đồng để sung quỹ Nhà nước.

[11] Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

[12] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; không chấp nhận quan điểm cho rằng bị cáo không phạm tình tiết định khung theo điểm đ khoản 2 Điều 151 và không chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng như quan điểm đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị như đã phân tích ở trên.

*- Về hình phạt bổ sung:*

[13] Theo quy định tại khoản 4 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định mức phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng; tại khoản 3 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999, quy định mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do đó, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, cần áp dụng khoản 3 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999 để phạt tiền đối với bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị phạt tiền bị cáo 10.000.000 đồng. Xét bị cáo hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử phạt tiền đối với bị cáo là 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án:

[14] Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt: Đỗ Thị Q 13 (Mười ba) năm tù về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2017.

Căn cứ khoản 3 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạt tiền bị cáo 5.000.000 (Năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

2. Về thu lợi bất chính: Buộc bị cáo phải nộp lại 808.338 (Tám trăm linh tám nghìn, ba trăm ba mươi tám) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thu lợi bất chính trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo (có mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

Bị hại (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Hà Nội;
- **VKSNDCC tại Hà Nội;**
- **Vụ GDKT 1- TANDTC;**
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Trại tạm giam;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Tuấn**

